

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI THỨC ĂN KHÁC NHAU ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ TỶ LỆ SỐNG CỦA ỐC BƯƠU ĐỒNG

(*Pila polita* Deshayes, 1830)

THE EFFECTS OF DIFFERENT FOODS ON THE GROWTH AND SURVIVAL RATES OF
FRESH WATER SNAIL (*Pila polita* Deshayes, 1830)

Lê Văn Bình*, Trần Hữu Tánh và Ngô Thị Thu Thảo

Bộ môn kỹ thuật nuôi Hải sản, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ

Email: lvbinh654@gmail.com

ABSTRACT

This study was conducted to evaluate the effects of different foods on the growth and survival rate of fresh water snail *Pila polita*. There were 3 replicates in each treatment and food used as follow: 1). Rice bran; 2). Cassava powder; 3). Industrial pellet. Snails were reared in the composite tanks with a density of 150 ind/tank (initial weight and shell height were 0,03g and 4,5mm). After 35 days of culture period, the survival rate in rice bran diet (94,4%) was higher than in cassava powder (93,3%) and pellet (93,7%), however there was no significant difference ($P > 0,05$). Highest increased biomass was obtained when feeding snails with pellet (2,027%) and significant difference ($P < 0,05$) compared to rice bran (727%) and cassava powder (992%). Feeding with pellet, snails also reached highest body weight and shell height (0,71 g and 14,79 mm) compared to feeding with rice bran (0,26 g; and 10,55 mm) or cassava powder (0,36 g and 11,65 mm). Snails were fed with pellet also presented highest feed efficiency (723%) and that was significant difference ($P < 0,05$) compared to feeding with rice bran (473%) or cassava powder (529%). Results indicated that *Pila polita* were fed with pellet showed better growth rate and feed efficiency compared to rice bran or cassava powder.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ốc bươu đồng là loài động vật thân mềm nước ngọt có giá trị kinh tế cao do thịt thơm ngon, giàu chất dinh dưỡng (ốc bươu đồng chứa 11,9% protid; 0,7%lipid; các vitamin B1, B2, PP; các muối can xi, phốt pho. Ốc cung cấp 86 calo/100g thịt). Chúng được sử dụng làm các món ăn dân dã hay những món ăn đặc sản v.v... Theo Burch *et al* (1989) và Pusadee Sri-aroon *et al* (2005) ốc bươu đồng được xem là một trong những loài ốc nước ngọt có vai trò rất quan trọng trong y học. Thaewnonngiw *et al* (2003) cho biết ốc bươu đồng đang được xem là một biệt dược để chữa bệnh về da của người dân địa phương ở miền Nam Thái Lan. Việt Nam là nước nằm trong khu vực nhiệt đới, có nhiều ao hồ, sông suối, nhiều ruộng trũng là tiềm năng lớn để nuôi các đối tượng nước ngọt trong đó có ốc bươu đồng. Tuy nhiên nhóm các đối tượng nuôi nước ngọt còn nghèo nàn chưa tương xứng với tiềm năng đa dạng sinh học và sự đa dạng về điều kiện sinh thái của đất nước cũng như nhu cầu của sản xuất. Nguồn lợi ốc bươu đồng trong tự nhiên đang ngày một giảm sút do nhiều nguyên nhân: Khai thác quá mức, môi trường ngày càng ô nhiễm do chưa quản lý chất thải, sử dụng thuốc trừ sâu, diệt cỏ, hoá chất trong nông nghiệp. Các nghiên cứu về động vật thân mềm trong nước mới chỉ tập trung vào các đối tượng nước lợ, nước mặn như bào ngư, tu hài, ốc hương, hàu, vẹm, ốc len... Hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam chưa có nghiên cứu nhiều về kỹ thuật sản xuất giống cũng như kỹ thuật nuôi thương phẩm loài ốc này. Việc nghiên cứu ương ốc con mới nở là vấn đề cần thiết để đáp ứng nhu cầu của thị trường, giảm áp lực khai thác, bảo vệ và khôi phục nguồn lợi ốc tự nhiên, đa dạng hoá đối tượng nuôi trong nghề nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm ra loại thức ăn thích hợp cho quá trình ương giống ốc bươu đồng.